

Số 106 /KH-TMN

Diễn Trung, ngày 25 tháng 09 năm 2024

## KẾ HOẠCH CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP NĂM HỌC 2024-2025

### I. Các căn cứ xây dựng kế hoạch :

- Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 22/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức thu học phí trong các cơ sở giáo dục công lập, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định thuộc tỉnh Nghệ An quản lý từ năm học 2023-2024;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

- Căn cứ Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về quy định mức thu tối đa cho các khoản thu phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với các cơ sở giáo dục công lập

- Căn cứ Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT, Đề án nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ của tỉnh;

- Căn cứ Quyết định số 2445/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”;

- Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/08/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

- Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

- Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

- Căn cứ công văn số 1966/SGD&ĐT-KHTC ngày 05/09/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An về việc hướng dẫn công tác quản lý thu, chi năm học 2024 - 2025 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên trường mầm non Diễn Trung báo cáo tình hình thực hiện thu chi các nguồn thu thỏa thuận năm học 2023-2024 và xây dựng kế hoạch thu chi các nguồn thu thỏa thuận năm học 2024 - 2025 như sau:

## **II. Mục đích:**

Sử dụng nguồn kinh phí hiệu quả đảm bảo các nguyên tắc tài chính theo quy định.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động; nâng cao chất lượng giáo dục.

Huy động cộng đồng xã hội và cha mẹ học sinh tham gia vào quá trình giáo dục đồng thời đóng góp tiền cùng nhà trường thực hiện công việc nấu ăn, chăm sóc trẻ bán trú .

Xây dựng tập thể đoàn kết.

## **III. Nhiệm vụ trọng tâm**

Đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động đặc biệt đối với giáo viên hợp đồng.

Thực hiện đúng luật kế toán thống kê trong quá trình chi tiêu, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo đúng quy định của nhà nước.

Thực hiện việc XDCSVC, công tác chuyên môn để giúp nhà trường hoàn thành nhiệm vụ năm học.

Huy động tài trợ giáo dục bổ sung nguồn vốn đầu tư trang thiết bị, cải tạo nâng cấp công trình phụ trợ trong nhà trường.

Quản lý tài sản nhà trường.

Bảo đảm các điều kiện nhằm thực hiện tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ năm học 2024-2025.

Thực hành tiết kiệm

## **IV. Nhiệm vụ cụ thể**

### **1. Đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động đặc biệt đối với giáo viên hợp đồng.**

-Đối với CBCCVV được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước, đảm bảo chi đúng, chi đủ, không để chậm hoặc thiếu lương của CBCCVV vì bất cứ lý do gì khi được cơ quan có thẩm quyền giao dự toán kinh phí cho đơn vị. Phương thức chi trả:

Chuyển trả 01 lần/tháng vào tài khoản cá nhân của người lao động (tiền lương, tiền công) mở tại ngân hàng BIDV Phủ Diễn

- Ký hợp đồng lao động nhân viên hợp đồng chi trả lương theo thoả thuận
- Đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động

**2. Thực hiện đúng luật kế toán thống kê trong quá trình chi tiêu, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo đúng quy định của nhà nước**

- Phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm năm trước
- Xây dựng triển khai nghiêm túc kế hoạch ngân sách được giao. Giải quyết kịp thời những vướng mắc trong việc chi tiêu ngân sách nhà trong quá trình thay đổi cơ chế quản lý tài chính.
- Lập kế hoạch thu chi theo hướng dẫn của cấp trên
- Báo cáo phòng giáo dục và phòng tài chính kế hoạch thu chi
- 100% thu - chi qua tài khoản và được sự kiểm soát của KBNN
- Triển khai kịp thời chính sách của nhà nước
- Quyết toán công khai kịp thời theo tháng, theo quy đúng quy định
- Tài liệu kế toán được lưu trữ theo quy định của nhà nước

**3. Thực hiện việc XDCSV, công tác chuyên môn để giúp nhà trường hoàn thành nhiệm vụ năm học**

- Rà soát kiểm kê lại CSV, thiết bị trong nhà trường một năm 2 lần
- Xây dựng kế hoạch phân bổ cho chuyên môn
- Tham mưu với lãnh đạo những nội dung cơ bản trong việc thực hiện thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong việc mua sắm, sử dụng trang thiết bị

**4. Huy động tài trợ giáo dục bổ sung nguồn vốn đầu tư trang thiết bị, cải tạo nâng cấp công trình phụ trợ trong nhà trường**

- Việc tài trợ phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, không ép buộc, không quy định mức tài trợ bình quân, không quy định mức tài trợ tối thiểu, không vận động đối với gia đình hộ nghèo, hộ gia đình chính sách; không lợi dụng việc tài trợ cho giáo dục để ép buộc đóng góp và không coi huy động tài trợ là điều kiện cho việc cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo.
- Việc vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản tài trợ phải được công bố, niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Việc quản lý, sử dụng các khoản tài trợ phải theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích và không để thất thoát, lãng phí.
- Khuyến khích các nhà tài trợ tự tổ chức thực hiện việc đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị và lắp đặt hoàn chỉnh để bàn giao cho nhà trường theo sự thoả thuận và hướng dẫn của nhà trường.

## 5. Quản lý tài sản nhà trường.

- Rà soát tài sản trong nhà trường, phân loại và lập theo sổ sách theo dõi
- Phân bổ cán bộ phụ trách báo cáo thanh lý tài sản hư hỏng không sử dụng được
- Tiến hành tư sửa cơ sở vật chất trong nhà trường

## 6. Thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Nâng cao nhận thức trong việc thực hành tiết kiệm khi sử dụng kinh phí cho CBGV và nhân viên trong trường.
- Lập dự toán sát với thực tế
- Kịp thời điều chỉnh bổ sung kinh phí đảm bảo cho các hoạt động diễn ra suôn sẻ đúng kế hoạch.

## 7. Thực hiện công tác kiểm tra tài chính nội bộ và công khai tài chính

- Xây dựng kế hoạch tự kiểm tra, tổ chức việc tự kiểm tra trong nhà trường theo quy định.
- Thực hiện 3 công khai nhà trường xây dựng hàng năm
- Báo cáo công tác tài chính theo tháng, quý

## 8. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ

- Dự vào các văn bản chỉ đạo, kế hoạch tài chính và tình hình thực tế của trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ.
- Xây dựng thực hiện đúng quy trình và quy định theo nguyên tắc công khai, minh bạch.
- Thực hiện công tác báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán, thực hiện công tác kiểm tra tài chính nội bộ và công khai tài chính
- Quản lý tài sản, sơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ thông tin của nhà trường

## V. KẾ HOẠCH THU

### 1. Phần Thu theo quy định :

Học phí	Số học sinh	Số tiền thu 1 trẻ	Số tháng	Tổng tiền thu
Nhà trẻ 100.000đ/ 1tháng	25	100.000	9	22.500.000
Mẫu giáo 100.000đ/1tháng	609	100.000	9	548.100.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>634</b>	<b>100.000</b>	<b>9</b>	<b>570.600.000</b>
<b>Ngân sách cấp</b>				<b>357.000.000</b>

### 2. Các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2024-2025.

Tên các quỹ	Số học sinh	Số tiền thu 1 trẻ/ ngày	Số tháng	Tổng tiền thu
Tiền ăn của trẻ:	630	19.000	9	19.000
Tiền thuê nhân viên nấu ăn	620	87.000	9	434.250.000
Mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú bị hư hỏng.	620	22.000	9	121.065.000
Mua sắm vật dụng dùng chung trang bị lần đầu	620	137.500	1	82.500.000
Mua bổ sung đồ dùng bán trú	620	65.000	1	28.693.500
Thu để thực hiện dạy Arobic	83	16.000	9	737 100
Thu để thực hiện dạy ngoại ngữ tăng cường (đối với Gv là người Việt Nam)	94	21.060	9	840.000
Xã hội hoá giáo dục	Từ phụ huynh và cán bộ, giáo viên, nhân viên và các nguồn hỗ trợ khác. ( <i>Vận động trên tinh thần tự nguyện, không vận động trẻ có gốc thuộc hộ nghèo cận nghèo, và gia đình thuộc diện chính sách</i> ).			

## VI. KẾ HOẠCH CHI

### 1. Phần chi theo quy định :

#### Kế hoạch chi từ nguồn HP

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi 40% bù trả lương cho CBGV,NV	Tháng	9	25.360.000	228.240.000
2	Chi sửa chữa bảo dưỡng máy tính, máy in và đường dây mạng, cáp quang	năm	1	32.000.000	32.000.000
1	Tủ đựng chăn gối	Cái	2	3.800.000	7.600.000
2	Gía góc	Cái	2	2.800.000	5.600.000
5	Gía dép	Cái	2	1.850.000	3.700.000
6	Mua đồ dùng theo TT01	Năm	1	73.187.000	73.187.000
	Sửa chữa điện sinh hoạt	Năm	1	35.000.000	35.000.000

8	Sửa chữa thay thế vòi nước nhà vệ sinh tại các lớp học	năm	1	38.675.000	38.675.000
6	Chi tiền lương bảo vệ	Tháng	12	3.500.000	42.000.000
7	Chi trang trí ngày lễ hội trong năm học	Lần	5	4.000.000	20.000.000
8	Chi trang trí các cuộc thi	Lần	3	6.000.000	18.000.000
9	Chi thưởng các cuộc thi	Lần	3	4.500.000	13.500.000
10	Gia hạn phần mềm chữ ký KB HT	năm	1	1.573.000	1.573.000
11	Chi tiền khen thưởng học sinh	năm	634	25.000	15.850.000
12	Chi khoán văn phòng phẩm	năm	49	150.000	7.350.000
13	Mua sơn, vật liệu trang trí	năm	1	25.000.000	25.000.000
14	Mua sách chuyên môn	năm	35	95.000	3.325.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>570.600.000</b>

#### **Kế hoạch chi từ nguồn ngân sách**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
1	Làm mới nhà xe cho giáo viên, nhân viên	Dãy nhà	1	150.000.000	150.000.000
2	Sơn dãy phòng hiệu bộ	Dãy nhà	1	36.800.000	36.800.000
3	Mua máy tính phòng KT: 1	Cái	1	15.000.000	15.000.000
4	Mua máy scan phòng KT: 1	Cái	1	4.800.000	4.800.000
5	Sửa chữa tivi, máy tính, hệ thống camera các lớp học	Cái	28	1.500.000	42.000.000
6	Gia hạn phần mềm misa	Năm	1	4 000 000	4.000.000
7	Gia hạn phần mềm bảo hiểm	Năm	1	2 840 000	2.840.000
8	Gia hạn phần mềm thuế	Năm	1	2 840 000	2.840.000
9	Gia hạn phần mềm chữ ký KB KT	Năm	1	1.573.000	1.573.000
10	Gia hạn phần mềm Văn bản	Năm	1	2 640 000	2.640.000
11	Gia hạn duy trì trang wesai	Năm	1	1 000 000	1.000.000
12	Chi khoán công tác phí	Tháng	12	1 000 000	12.000.000

13	Chi tiền điện sinh hoạt	Tháng	12	3 500 000	42.000.000
14	Chi mua vpp phục vụ chung	Tháng	12	2 000 000	24.000.000
15	Chi khác	năm	1	15 507 000	15.507.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>357.000.000</b>

**2. Các khoản chi dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2024-2025**

Danh mục	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
Tiền ăn của trẻ:	Ngày	1	19.000	19.0000
Chi mua lương thực, thực phẩm, gia vị để nấu bữa chính, bữa phụ theo quy định và các chi phí liên quan. (tiền ăn thu theo tháng ).				
<b>CHI TRẢ TIỀN THUÊ KHOẢN NGƯỜI NẤU ĂN VÀ CHI PHÍ TỔ CHỨC BÁN TRÚ</b>				
Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>Trả tiền thuê khoán người nấu ăn</b>	<b>Tháng</b>	<b>620</b>	<b>89.032</b>	<b>496.800.000</b>
Mức thỏa thuận trả lương người nấu ăn	9	12	4.600.000	496.800.000
<b>Chi phí vật tư: ( a+b+c )</b>		<b>620</b>	<b>14.970</b>	<b>83.535.000</b>
<b>Đồ dùng vệ sinh phục vụ bán trú của trẻ</b>		<b>620</b>	<b>5.970</b>	<b>33.315.000</b>
Xà phòng giặt	Gói	147	45.000	6.615.000
Sunlai lau sàn	Chai	160	40.000	6.400.000
Vim bồn cầu	Chai	110	40.000	4.400.000
Giấy vệ sinh	Bịch	150	40.000	6.000.000
Dầu rửa chén	Bịch	90	110.000	9.900.000
Chi phí khác ( bao tay, giẻ rửa bát, chùi nồi	Năm			1.000.000
<b>Tiền nước tăng thêm do bán trú</b>	<b>cháu</b>	<b>620</b>	<b>3.000</b>	<b>16.740.000</b>
<b>Tiền nước uống của trẻ ( 6.000 đ/trẻ/t)</b>	<b>cháu</b>	<b>620</b>	<b>6.000</b>	<b>33.480.000</b>
<b>Tổng chi thuê khoán người nấu ăn và chi phí bán trú</b>	<b>cháu</b>	<b>620</b>	<b>104.003</b>	<b>580.335.000</b>
<b>MUA SẴM VẬT DỤNG DÙNG CHUNG VÀ ĐỒ DÙNG CÁ NHÂN CHO TRẺ BÁN TRÚ</b>				
<b>Mua sắm các loại dụng cụ phục vụ trẻ ăn uống:</b>		<b>620</b>	<b>5.000</b>	<b>27.898.600</b>

Nạo vỏ	Cái	20	33.000	660.000
Rổ nhỏ I nôm	Cái	2	44.000	88.000
Rổ đại	Cái	2	33.000	66.000
Bình lưu mẫu tp	Hộp	6	60.000	360.000
Dao chặt	Cái	4	140.000	560.000
Dao thái thịt	Cái	6	120.000	720.000
xong chia thức ăn nhỏ	Cái	23	95.000	2.185.000
Ca múc thức ăn	Cái	3	55.000	165.000
Chổi lau nhà	Cái	26	115.600	3.005.600
Thớt	Cái	4	313.000	1.252.000
Bàn đẩy nước	Cái	24	35.000	840.000
Bao tay rửa bát	Đôi	24	35.000	840.000
Chổi đót	Cái	27	50.000	1.350.000
Chổi cước	Cái	26	40.000	1.040.000
Thùng Đựng rác	Cái	2	150.000	300.000
Thùng Đựng rác	Cái	1	363.000	363.000
Thùng rác	Cái	3	99.000	297.000
Khăn lau tay	Cái	44	30.000	1.320.000
Chiếu	Cái	13	99.000	1.287.000
Xe đẩy com	Cái	2	5.600.000	11.200.000

## 2.1. Kế hoạch nguồn vận động, sử dụng tài trợ năm học 2024-2025

Sơn tường ngoài lớp dẫy nhà hai tầng 6 phòng học đã xuống cấp.	Phòng	6	79.220.00 0	79.220.000
Ghế trẻ	Cái	235	130.000	30.550.000
Nhà bóng 2,4m ( TC040)	Bộ	1	37.500.00 0	37.500.000
Đồ chơi vận động phòng thể chất:(Hàm chui vận động cú mèo; Bộ luyện Gyms 02; Bộ luyện Gyms 04; Bộ luyện nhảy cao cho bé; Bộ thể chất số 4)	Bộ	1	16.760.00 0	16.760.000
01 ti vi cho lớp 5 tuổi	Cái	1	11.000.00 0	11.000.000



Sap ngu cho tre	Cai	50	580.000	29.000.000
<b>Tong</b>				<b>204.030.000</b>

## 2.2 Chương trình Làm quen tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo

### Dự kiến chi:

- Chi các hoạt động trong nhà trường 25% gồm các nội dung sau:
- + Chi công tác quản lý: 8%
- + Kế toán thu: 3%
- + Chi hỗ trợ cơ sở vật chất, điện nước: 4%
- + Chi GVCN công tác tuyển sinh, quản lý trẻ: 10%
- Chi trả cho Trung tâm Tiếng Anh: 75% để chi trả các chi phí sau:
- + Chi lương cho giáo viên Việt Nam

## 2.3. Chương trình Arobic cho trẻ mẫu giáo

### Dự kiến chi:

- Chi các hoạt động trong nhà trường 25% gồm các nội dung sau:
- + Chi công tác quản lý: 8%
- + Kế toán thu: 3%
- + Chi hỗ trợ cơ sở vật chất, điện nước: 4%
- + Chi GVCN công tác tuyển sinh, quản lý trẻ: 10%
- Chi trả cho Trung tâm Tiếng Anh: 75% để chi trả các chi phí sau:
- + Chi lương cho giáo viên Việt Nam

\* Trên đây là kế hoạch thu triển khai công tác thu chi các khoản thu của Trường Mầm non Diễn Trung. Yêu cầu đội ngũ CBGVNV nghiên cứu năm vững và nghiêm túc triển khai thực hiện đúng nội dung kế hoạch đã xây dựng.

### Nơi nhận:

- Đảng ủy, HĐND, UBND ;
- Phòng GD&ĐT;
- BCHHCMHS;
- Ban TTND
- Lưu VP.

